TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THANH HÓA** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 27/12/2022
V/v: Ly hôn, tranh chấp
nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HÓA-THANH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Văn Hào
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Minh Thảo
2. Bà Lê Thị Oanh

- ***Thư ký phiên tòa****:* Bà Hà Thị Yến - Thư ký TAND thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện VKS nhân dân thành phố Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Trà My - KSV

Ngày 27 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tiến hành xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số:48/2022/ TLST- HNGĐ ngµy 12 tháng 10 năm 2022về tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2022/QĐXX-ST ngày 17 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Lê Văn T - Sinh năm 1976

Địa chỉ: SN BL, phường T, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa

Bị đơn: Chị Trần Thị T - Sinh năm 1980

Địa chỉ: SN BL, phường T, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ủy ban nhân phường Đ, thành phố Thanh Hóa.

Địa chỉ: Số B, phường Đ,thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn T – Chủ tịch.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị T – Công chức tư pháp.
(theo văn bản ủy quyền ngày 28/10/2022)

Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn và đại diện hợp pháp của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày30/9/2022, bản tự khai, ý kiến trình bày tại phiên tòa, nguyên đơnanh Lê Văn T trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Trần Thị T kết hôn năm1996, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Đ, thành phố Thanh Hóa. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau hòa thuận hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn.Nguyên nhân mâu thuẫn là tính tình vợ chồng không hợp, quan điểm cách sống luân trái ngược nhau, mặt khác chị T còn nghi ngờ tình cảm, ghen tuông vô cớ nên không khí trong gia đình luôn nặng nề căng thẳng. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Thương và đề nghị Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật vì khi kết hôn chị T chưa đến 18 tuổi.

Về con chung: Anh và chị Tcó 02 con chung cháu Lê Chung T – Sinh năm 1996 và cháu Lê Thị Quỳnh A – Sinh ngày 07/11/2004. Cháu T đã có gia đình riêng nên anh không yêu cầu Tòa án xem xét, còn cháu Quỳnh A mặc dù đến nay đã đủ 18 tuổi, đang học đại học năm thứ nhất nhưng anh xin được nuôi dưỡng và cấp dưỡng nuôi cháu ăn học.

Về tài sản công nợ: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại bản tự khai đại diện hợp pháp của UBND phường Đ, thành phố Thanh Hóa bà Nguyễn Thị T bày: Sau khi nhận được thông báo thụ lý vụ án của Tòa án, UBND phường Đ đã kiểm tra hồ sơ lưu tại UBND phường. Kết quả cho thấy tại sổ đăng ký kết hôn năm 1996, anh Lê Văn T – Sinh năm 1973 và chị Trần Thị T – Sinh năm 1980 đăng ký kết hôn ngày 12/11/1996. Việc vào sổ, ghi chép là do cán bộ tại thời điểm đó thực hiện. Nay anh thủy làm đơn xin ly hôn, đề nghị Tòa căn cứ các quy định để giải quyết.

Về phía chị Trần Thị T: Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập hợp, thông báo phiên họp kiểm tra giao nộp chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng chị T không có mặt.

Tại phiên tòa anh T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, chị T và đại diện UBND phường Đ, thành phố Thanh Hóa vắng mặt.

Đại diện VKS phát biểu ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký, nguyên đơn đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt là không tuân thủ các quy định của pháp luật. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, VKS đề nghị áp dụng Điều 5 Luật hôn nhân gia đình năm 1986; Điều 10, 11, 12 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu,chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòavà căn cứ kết qủa tranh tụngTòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Lê Văn T khởi kiện đề nghị ly hôn và hủy đăng ký kết hôn trái pháp luật, tranh chấp về nuôi con nên xác định đây là quan hệ tranh chấp về hôn

nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa theo quy định tại khoản 7 Điều 28 và khoản 1 Điều 35 của BLTTDS. Chị Trần Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa, đại diện UBND phường Đ, thành phố Thanh Hóa có đơn xin vắng mặt căn cứ khoản 2 Điều 227 của BLTTDS Tòa án xét xử theo quy định của pháp luật.

[2] Về yêu cầu khởi kiện: Anh Lê Văn T, chị Trần Thị T chung sống với nhau từ năm 1996, trên cơ sở tự nguyện, tổ chức cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố Thanh Hóa ngày 12/11/1996. Mặc dù anhT, chị T chung sống với nhau là tự nguyện, tuy nhiên theo quy định tại Điều 5 Luật hôn nhân gia đình năm 1986 về điều kiện kết hôn quy định: "Nam từ 20 tuổi trở lên, nữ từ 18 tuổi trở lên mới được kết hôn". Khi anh chị đến UBND phường Đ làm thủ tục đăng ký kết hôn, chị T lúc đó chưa đến 18 tuổi (chị T sinh ngày 11/02/1980) là vi phạm quy định về điều kiện kết hôn. Quá trình vợ chồng chung sống xảy ra nhiều mâu thuẫn, đã có lần anh chị yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn tại Tòa án. Hơn nữa sau khi Tòa án thụ lý giải quyết, chị T không đến làm việc theo giấy triệu tập, không có yêu cầu gì về hôn nhân. Do đó cần hủy giấy chứng nhận kết hôn số 328 ngày 12/11/1996 của UBND phường Đ, thành phố Thanh Hóa mang tên chị Trần Thị T, anh Lê Văn T và không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị T, anh T là vợ chồng.

[3] Về con chung: Anh T, chị T có 02 con chung cháu Lê Chung T – Sinh năm 1996 và cháu Lê Thị Quỳnh A – Sinh ngày 07/11/2004. Khi làm đơn xin ly hôn cũng như tại phiên tòa anh T xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Quỳnh A và không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Tuy nhiên nay cháu Quỳnh Anh đã thành niên, cháu Chung T đã có gia đình riêng nên các cháu ở với ai là quyền của các cháu, HĐXX không xem xét.

[4] Về tài sản, công nợ : Anh T không yêu cầu giải quyết nên Tòa không xem xét.

[5] Về án phí:Căn cứ Điều 6;điểm a khoản 5 Điều 27, khoản 1.1, điều 1 phần I, mục A Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án, anh Thủy phải chịu án phí LHST.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vàoĐiều 28; Điều 35;khoản 2Điều 227;Điều 271; 273của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 5 Luật hôn nhân gia đình năm 1986; Điều 10, 11, 12 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 6, điểm a khoản 5Điều 27, khoản 1.1, điều 1 phần I, mục A Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

- Hủy giấy chứng nhận kết hôn số số 328 ngày 12/11/1996 của UBND phường Đ, thành phố Thanh Hóa mang tên chị Trần Thị T, anh Lê Văn T.

- Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị T và anh Lê Văn T là vợ chồng.

- Về con chung: Công nhận cháu Lê Chung T – Sinh năm 1996 và cháu Lê Thị Quỳnh A – Sinh ngày 07/11/2004 là con chung của chị Trần Thị T, anh Lê Văn T. Nay các cháu đã thành niên, ở với ai là quyền của các cháu Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản, công nợ : Anh T, chị T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Án phí: Anh T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hônnhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng anh đã nộp theo biên lai thu tiền số0002360 ngày12/10/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND TPTH;
- THA DS TP.Thanh Hoá;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA -

(đã ký)

Phạm Văn Hào